

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ TIÊU  
TIÊU CHÍ TỰ CHẤM ĐIỂM**

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Ủy ban nhân dân phường 3 triển khai nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như sau:

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Căn cứ chấm điểm		Điểm số tự chấm	Chữ ký của công chức phụ trách
			Số liệu thực hiện (1)	Tỷ lệ đạt được (2)		
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn</b>	<b>10</b>			<b>10</b>	
<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao (Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ</b>	<b>3</b>			<b>3</b>	- Trong năm HĐND, UBND không ban hành VBQPPL.

	<i>được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm)</i>					
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1			1	
	a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật	1				
	b) Không ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên	0				
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	2			2	
	a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật	2				
	b) Ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0				
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân</b> (sau đây gọi chung là văn	<b>7</b>			<b>7</b>	

	bản hành chính) Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100					Trong năm UBND phường ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân
	a) Đạt 100%	7			7	
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6				
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5				
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4				
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3				
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2				
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1				
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				

	i) Dưới 50%	0				
<b>Tiêu chí 2</b>	<b>Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	<b>30</b>			<b>30</b>	<p>UBND phường kịp thời niêm yết công khai 132 thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả đúng theo quy định. Được bố trí nơi dễ nhìn, dễ tra cứu.</p> <p>Niem yết thủ tục hành chính bằng khổ giấy A4, phía ngoài có tên lĩnh vực cụ thể (11 lĩnh vực). Bảng niêm yết được đặt trước phòng làm việc của bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, đặt nơi dễ nhìn, thuận tiện cho người dân tra cứu.</p>
<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b>	<b>6</b>			<b>6</b>	
	1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật	1			1	
	a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật	0,5				
	b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang	0,5				

	thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác					
	2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm  Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100	1,5			1,5	
	a) Đạt 100%	1,5			1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				

e) Dưới 50%	0				
3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ	2				2
<p>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</p>					
a) Đạt 100%	2				2
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
d) Từ 70 đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				

<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin</b>  (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm)	<b>5</b>			<b>5</b>	- Trong năm không có yêu cầu cung cấp thông tin.
	1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn  Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100	1,5			1,5	
	a) Đạt 100%	1,5			1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				

e) Dưới 50%	0			
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ  Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100	2			2
a) Đạt 100%	2			2
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5			
c) Từ 80% đến dưới 90%	1			
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5			
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25			
e) Dưới 50%	0			
3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy	1,5			1,5



	định pháp luật  Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100					
	a) Đạt 100%	1,5			1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 3</b>	<b>Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	<b>8</b>			<b>8</b>	- Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 14/02/2023 của Ủy ban nhân dân về Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải ở cơ sở; xây dựng cấp

1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	2			2	phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.
a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	2				
b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	1				
c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	0				
2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này):  Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động	4			4	

	đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100					
	a) Đạt 100%	4			4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên  Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn	2			2	

	của cơ quan cấp trên) x 100  (Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)					
	a) Đạt 100%	2			2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 4</b>	<b>Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở</b>	<b>5</b>			<b>5</b>	

	a) Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	5				
	b) Có 01 (một) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	3				
	c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	0				
<b>Chỉ tiêu 5</b>	<b>Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</b>  Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100	<b>3</b>			<b>3</b>	
	a) Đạt 100%	3				

	b) Từ 90% đến dưới 100%	2				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 6</b>	<b>Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	<b>3</b>			<b>3</b>	
	a) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	3				
	b) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3	2				

	của tiêu chí này					
	c) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	1				
	d) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,5				
	đ) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,25				
	e) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0				
<b>Tiêu chí 3</b>	<b>Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý</b>	<b>15</b>			<b>15</b>	

<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải)</b>  (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được tính 07 điểm)	<b>7</b>			<b>7</b>	<p><i>Trong năm 2023, UBND phường tiếp nhận 05 đơn (số liệu từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023). Giải quyết xong 05 đơn đúng thời hạn theo quy định.</i></p> <p>- Hòa giải thành: 05 đơn</p> <p>- Hòa giải không thành: 0 đơn</p>
	1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở  Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận) x 100	3,5			3,5	
	a) Đạt 100%	3,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5				



d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				
2. Các vụ, việc hòa giải thành  Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100					
a) Đạt 100%	3,5				3,5
b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5				
c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5				
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				

	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở</b>	<b>4</b>			<b>4</b>	<p>- Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, hòa giải viên.</p> <p>- Danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>
	1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	1			1	
	2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	1,5			1,5	
	Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn) x 100					
	a) Đạt 100%	1,5				
b) Từ 90% đến dưới 100%	1					

	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				<i>Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân phường đã chi 2.050.000đ</i>
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền  Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết) x 100	1,5			1,5	
	a) Đạt 100%	1,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				

	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 3</b>	<p><b>Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý</b></p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý/Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ, việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định) x 100</p> <p>(Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ</p>	<b>4</b>			<b>4</b>	

	giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được tính 04 điểm)					
	a) Đạt 100%	4				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Tiêu chí 4</b>	<b>Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b>	<b>20</b>			<b>20</b>	
<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về</b>	<b>3</b>			<b>3</b>	<i>Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân</i>

	<b>tổ chức chính quyền địa phương</b>					<i>phường có tổ chức 01 cuộc đối thoại Chủ tịch lắng nghe ý kiến, phản ánh của Nhân dân.</i>
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	2			2	
	a) Có tổ chức hội nghị	2				
	b) Không tổ chức hội nghị	0				
	2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật	1			1	
	a) Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức	1				
	b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức					
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở</b>	<b>4</b>			<b>4</b>	<i>Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp mức xây dựng cơ sở hạ tầng, các công</i>

	<b>xã, phường, thị trấn</b> Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100					<i>trình phúc lợi công cộng trong phạm vi địa bàn phường, khu phố (làm đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, điện).</i>
	a) Đạt 100%	4			4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 3</b>	<b>Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã,</b>	<b>4</b>			<b>4</b>	<i>Ủy ban nhân dân phường thực hiện công khai các nội dung mà pháp</i>

	<b>phường, thị trấn</b> Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết) x 100					<i>luật quy định phải công khai (theo Điều 5 Pháp lệnh 34/2018/PL-UBTHQH11), đạt 100%</i>
	a) Đạt 100%	4			4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 4</b>	<b>Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã,</b>	<b>4</b>			<b>4</b>	



	<p><b>phường, thị trấn</b></p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100</p>					
	a) Đạt 100%	4			4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				

<b>Chỉ tiêu 5</b>	<b>Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b>	<b>5</b>			<b>5</b>	<i>Có 11/11 nội dung đã được giám sát/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát sinh trên thực tế. Đạt 100%</i>
	1. Các nội dung để Nhân dân giám sát	4			4	
	a) Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trở lên	4				
	b) Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung	3				
	c) Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung	2				
	d) Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung	1				
	đ) Không tổ chức giám sát	0				
	2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng	1			1	

	đồng					
<b>Tiêu chí 5</b>	<b>Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội</b>	<b>25</b>			<b>25</b>	
<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo</b>	<b>7</b>			<b>7</b>	<i>Ủy ban nhân dân có bố trí 01 phòng tiếp dân, có bàn ghế, sổ theo dõi tiếp dân, quy định tiếp công dân. Chủ tịch UBND thực hiện tiếp dân vào thứ 3, 5 hàng tuần. Ngoài ra, còn tiếp dân đột xuất theo quy định. Công chức Tư pháp – Hộ tịch chịu trách nhiệm tiếp dân thường xuyên.</i>
	1. Tổ chức tiếp công dân	3			3	
	a) Có nội quy tiếp công dân	0,5				
	b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở	0,5				
c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân	1					

	cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)				
	d) Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân	1			
	2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh  Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100  (Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)	2			2
	a) Đạt 100%	2			
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5			
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1			

	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo  Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật / Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100  (Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)	2			2	
	a) Đạt 100%	2				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				

	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính</b>  Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100	<b>7</b>			<b>7</b>	<i>Trong năm 2023, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được 1422/1422 hồ sơ, tất cả các hồ sơ đều được giải quyết đúng trình tự, thủ tục và thời hạn.</i>
	a) Đạt 100%	7				
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6				
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5				
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4				

	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3				
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2				
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1				
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	i) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 3</b>	<b>Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự</b>	<b>5</b>			<b>5</b>	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự</i>
	a) Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5				
	b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	0				

<b>Chỉ tiêu 4</b>	<b>Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội</b>	<b>6</b>			<b>6</b>	<i>- Kế hoạch số: 204-KH/ĐU ngày 31/01/2023 Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng trong công tác đảm bảo an ninh trật tự năm 2023</i>
	a) Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	6				
	b) Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0				
<b>Tổng cộng</b>		<b>100</b>			<b>100</b>	

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**CÔNG CHỨC TƯ PHÁP – HỘ TỊCH**